Thứ Ba, Ngày 10 Tháng 1 Năm 2023

# Chứng khoán Việt Nam

## Thông tin thị trường chuyên sâu

Shinhan Securities

**Báo cáo ngày**

**Xu hướng thị trường:**

***"Cân Bằng"***

▶ Thị trường chứng khoán giảm nhẹ trong phiên hôm nay. Đa số cổ phiếu giao dịch trong sắc đỏ.

▶ Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 0.86 điểm (-0.08%), đạt 1,053.35 điểm; Ngược lại, HNX-Index tăng 0.96 điểm (+0.46%), đạt 210.63 điểm. Thanh khoản toàn thị trường đạt 9.7 nghìn tỷ đồng, tương ứng khoảng 546.2 triệu cổ phiếu được giao dịch. Khối ngoại mua ròng 437.80 tỷ đồng, tập trung ở HPG.

▶ VCB (+0.46%), PLX (+3.80%), BID (+0.73%) là ba mã cổ phiếu đóng góp nhiều nhất vào sắc xanh của thị trường. Trái lại, CTG (-1.89%), SAB (-1.95%), VHM (-0.90%) là ba mã lấy đi nhiều điểm nhất của thị trường.

▶ Hầu hết các nhóm ngành đều giảm điểm trong phiên giao dịch hôm nay. Bất động sản, Du lịch và Giải trí, Thực phẩm và đồ uống là 3 nhóm ngành giảm mạnh nhất: NLG, HVN, MSN.

▶ Góc nhìn kỹ thuật: Chỉ số tiếp tục dao động trong biên độ hẹp với sự lưỡng lự chi phối. Thị trường gần như giao dịch không thay đổi quanh mức tham chiếu, tuy nhiên, khớp lệnh vẫn thấp hơn trung bình 20 phiên. Các chỉ báo kỹ thuật cho tín hiệu cân bằng khi MACD đã cắt lên đường signal và duy trì trên miền dương cùng với RSI ổn định trên mức 50. Dù vậy, dòng tiền vẫn cho thấy sự phân hóa nhất định, với sự chú ý hướng về nhóm Đầu tư công (hạ tầng, đá, xi măng …). Dòng tiền cũng luân chuyển trong nhóm vốn hóa lớn để nâng đỡ chỉ số. Chiến lược phù hợp nghiêng về nắm giữ.




**Các chỉ số chính trên thị trường chứng khoán Việt Nam**

| Index | Giá | %1D | %1M | %1Yr. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VN-Index | 1,053 | -0.1 | 0.1 | -29.9 | 11.0 | 1.7 | 4,205,086 |
| VN30 Index | 1,061 | -0.1 | -0.4 | -30.0 | 9.2 | 1.7 | 3,001,579 |
| VN Midcap | 1,340 | 0.0 | 0.4 | -40.3 | 8.6 | 1.3 | 710,609 |
| VN Smallcap | 1,086 | 0.4 | -1.6 | -51.6 | 8.2 | 0.9 | 221,804 |
| HNX Index | 211 | 0.5 | -2.9 | -56.4 | 13.4 | 1.2 | 244,369 |
| UpCom | 72 | -0.3 | 1.2 | -36.6 | 11.3 | 1.3 | 974,190 |

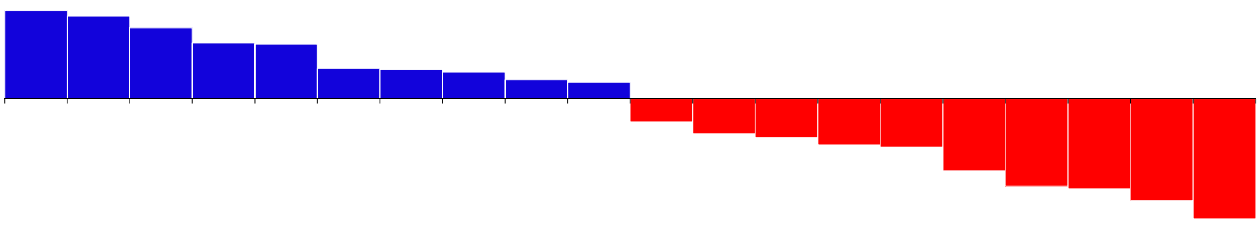
**Nhóm ngành**

| Nhóm ngành | %1D | %1M | %YTD | %1 YR. | PER | PBR | Vốn hóa |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Bán lẻ | 0.2 | -8.5 | -1.5 | 0.7 | 12.4 | 2.7 | 82,583 |
| Bảo hiểm | -0.2 | 0.2 | 2.7 | -14.1 | 14.9 | 1.6 | 46,682 |
| Bất động sản | -0.7 | -9.9 | 2.6 | -49.2 | 13.6 | 1.7 | 767,486 |
| CNTT | 0.3 | 2.8 | 3.8 | -4.0 | 20.2 | 3.7 | 100,028 |
| Dầu khí | 3.3 | 19.4 | 14.1 | -30.3 | 20.2 | 2.3 | 57,300 |
| Dịch vụ tài chính | 0.0 | -4.9 | 6.7 | -50.9 | 7.5 | 1.4 | 100,131 |
| Tiện ích | 0.2 | 0.6 | 3.2 | -11.5 | 16.9 | 2.3 | 312,900 |
| Du lịch và Giải trí | -0.7 | 5.4 | 1.3 | -21.9 | n.a | 4.3 | 103,105 |
| Hàng & DV CN | -0.1 | -3.0 | 0.3 | -25.1 | 12.3 | 1.6 | 114,325 |
| Hàng CN & Gia dụng | 0.2 | 1.7 | -0.7 | -3.9 | 13.9 | 2.3 | 51,463 |
| Hóa chất | -0.6 | -5.8 | 1.1 | -47.7 | 9.4 | 1.3 | 132,289 |
| Ngân hàng | 0.0 | 6.3 | 6.7 | -14.6 | 10.8 | 1.8 | 1,555,977 |
| Ô tô và phụ tùng | 0.7 | 2.8 | 2.1 | -47.5 | 12.8 | 0.9 | 18,302 |
| Tài nguyên Cơ bản | 0.3 | 2.0 | 8.4 | -46.9 | 3.7 | 1.1 | 151,739 |
| Th.phẩm & Đồ uống | -0.7 | -0.5 | 4.1 | -13.6 | 17.9 | 3.3 | 517,758 |
| Truyền thông | 3.6 | -19.4 | 0.7 | -51.3 | 21.3 | 0.7 | 888 |
| Xây dựng và Vật liệu | 2.1 | -2.9 | 6.9 | -50.7 | 15.0 | 1.1 | 83,755 |
| Y tế | 0.6 | 1.1 | 0.6 | -18.5 | 15.4 | 2.1 | 30,652 |

**Tiền tệ và hàng hóa**

| | Tỷ giá | %1D | %1W | %1M | %3M | %YTD | %1Yr. |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Dollar index | 103 | 0.2 | -1.2 | -1.5 | -8.8 | -0.3 | 7.5 |
| USD/JPY | 132 | 0.0 | 0.7 | -4.2 | -9.5 | 0.6 | 14.5 |
| USD/CNY | 7 | 0.0 | -2.1 | -2.9 | -5.3 | -1.8 | 6.2 |
| KRW/USD | 1,244 | 0.0 | -2.2 | -4.9 | -12.0 | -1.7 | 3.7 |
| EUR/USD | 1 | 0.0 | -1.7 | -1.8 | -9.6 | -0.2 | 5.6 |
| USD/VND | 23,451 | 0.0 | -0.4 | -1.1 | -1.8 | -0.8 | 3.4 |
| Dầu Thô | 74 | -0.6 | -3.6 | 4.4 | -18.6 | -7.6 | -5.2 |
| Xăng | 237 | 3.4 | 0.4 | 15.3 | -9.6 | -3.6 | 4.2 |
| Khí đốt | 4 | -4.4 | -6.3 | -40.1 | -41.9 | -16.5 | -8.4 |
| Than | 394 | -0.6 | -2.5 | -2.1 | 2.1 | -2.5 | 101.0 |
| Vàng | 1,875 | 0.2 | 1.9 | 5.3 | 12.4 | 2.8 | 4.1 |
| Thép cuộn | 4,169 | 0.1 | 1.1 | 3.3 | 2.9 | 0.5 | -12.9 |

**Đóng góp vào VN Index**



| VCB | PLX | BID | ACB | HPG | VCG | VNM | STB | MSB | LPB | KDC | HVN | EIB | VPB | TCB | MSN | VIC | VHM | SAB | CTG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| (0.46%) | (3.80%) | (0.73%) | (1.52%) | (1.02%) | (6.91%) | (0.37%) | (1.22%) | (1.56%) | (1.40%) | (-3.13%) | (-2.35%) | (-2.43%) | (-0.80%) | (-1.08%) | (-1.14%) | (-0.91%) | (-0.90%) | (-1.95%) | (-1.89%) |


Mở tài khoản

**[ Chuyên viên phân tích ]**
**Khang Trần**
(84-28) 6299 - 8037
khang.lt@shinhan.com

**Mỹ Mỹ**
(84-28) 6299 - 7276
my.vm@shinhan.com


Shinhan Securities

# Điểm tin thị trường

## Tin tức doanh nghiệp

**1) VCB – Ngân hàng:** Năm 2023, Vietcombank đặt mục tiêu tổng tài sản tăng 9%, tín dụng tăng 12.8%, huy động vốn tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ nợ xấu dưới 1.5%, biên lợi nhuận (NIM) từ 3.24% và lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 12% so với năm 2022.

**2) HDG – Bất động sản:** Nhà máy thủy điện Đăk Mi 2 - Nhà máy có công suất lớn nhất thuộc Tập đoàn Hà Đô, tính đến cuối tháng 10/2022 sản lượng đạt 434 triệu kWh mang lại 485 tỉ đồng doanh thu lần lượt đạt 111% và 112% so với kế hoạch năm 2022. Theo dự kiến đến cuối năm 2022 sản lượng khoảng 585 triệu kWh đạt 150% so với kế hoạch năm, đóng góp 650 tỉ đồng doanh thu.

**3) TPB – Ngân hàng:** Lợi nhuận trước thuế của TPBank đạt 7,828 tỷ đồng, tương đương tăng khoảng 30% so với năm 2021. Tổng tài sản của ngân hàng ghi nhận tăng hơn 12% so với cùng kỳ năm trước, cán mốc gần 329 nghìn tỷ đồng. Tổng thu nhập hoạt động của TPBank trong năm nay đạt trên 15,600 tỷ đồng, tăng hơn 15.5% so với năm 2021. Lãi thuần từ dịch vụ đạt khoảng 2,700 tỷ đồng, tăng gần 75% so với cùng kỳ.

**4) HAG – Sản xuất:** HAG lãi hơn ngàn tỷ năm 2022, vượt kế hoạch lợi nhuận. Cụ thể, doanh thu năm 2022 của HAG ước đạt 4.57 ngàn tỷ đồng. Trong đó, ngành chăn nuôi chiếm hơn 35% (1.6 ngàn tỷ đồng); cây ăn trái chiếm gần 50% (2.28 ngàn tỷ đồng); còn lại là ngành phụ trợ (677 tỷ đồng). Lãi sau thuế ước đạt 1.18 ngàn tỷ đồng, thực hiện được 105% kế hoạch năm 2022. Đây cũng là lần đầu tiên kể từ năm 2011, HAG có lãi trên ngàn tỷ đồng.

**5) PVS – Khai khoáng:** PVS được chọn làm nhà thầu EPC dự án Bồn chứa khí LPG Thị Vải. Dự án Bồn chứa LPG Thị Vải có quy mô gồm 3 bồn chứa LPG, dung lượng 2,000 tấn LPG/bồn, cùng các hệ thống công nghệ, phụ trợ nhằm phục vụ cho nhu cầu và chiến lược sản xuất kinh doanh của PV GAS tại Kho cảng Thị Vải với chức năng nhập, tồn chứa và xuất các sản phẩm LPG. Hợp đồng EPC dự kiến kéo dài 18 tháng.

**6) BWE – Tiện ích:** CTCP Nước - Môi Trường Bình Dương thông báo chốt tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 13%. Ước tính tổng mức chi trả cho đợt tạm ứng này gần 251 tỷ đồng. Ngày thanh toán là 26/04/2023.

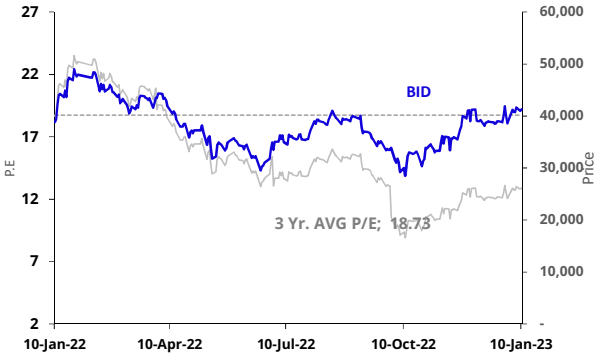
## Cổ phiếu nổi bật trong ngày

### Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID

**BID – Ngân hàng:** Tại thời điểm cuối năm 2022, tổng tài sản của BIDV ở đạt hơn 2.08 triệu tỷ đồng, tăng trưởng gần 21% so với năm 2021. Tổng nguồn vốn huy động đạt 1.95 triệu tỷ đồng, tăng 21.1% so với đầu năm; trong đó huy động vốn tổ chức, dân cư đạt 1.62 triệu tỷ đồng, tăng 8.8% so với đầu năm và chiếm gần 13.6% thị phần tiền gửi toàn ngành ngân hàng.

Tổng dư nợ tín dụng và đầu tư đạt 1.96 triệu tỷ đồng, tăng 19% so với đầu năm; trong đó dư nợ tín dụng đạt 1.5 triệu tỷ đồng, tăng 12.65% so với đầu năm, cao hơn mức thực hiện năm 2021 (11.8%).

BIDV báo lãi trước thuế năm 2022 đạt 23,190 tỷ đồng, tương đương tăng trưởng 71% so với mức thực hiện năm 2021. Trong đó, lợi nhuận trước thuế khối ngân hàng thương mại đạt 22,560 tỷ đồng. Lợi nhuận của khối các công ty con, công ty liên doanh, liên kết đạt gần 1,600 tỷ đồng.






Shinhan Securities

# Xu hướng dòng tiền

## Luân chuyển dòng tiền giữa các nhóm ngành (tỷ đồng)

| STT | Nhóm ngành | % Thay đổi thanh khoản trung bình 1 tuần | 1/9/2023 | 1/10/2023 | TB 1 tuần | Xu hướng 20 phiên |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Xây dựng và Vật liệu | 17.1 | 396 | 746 | 637 | |
| 2 | Tài nguyên Cơ bản | 16.5 | 613 | 922 | 791 | |
| 3 | Hàng cá nhân & Gia dụng | 2.9 | 52 | 63 | 62 | |
| 4 | Ô tô và phụ tùng | 0.1 | 61 | 59 | 59 | |
| 5 | Công nghệ Thông tin | -2.6 | 49 | 67 | 69 | |
| 6 | Dầu khí | -7.3 | 85 | 110 | 119 | |
| 7 | Du lịch và Giải trí | -7.5 | 104 | 68 | 74 | |
| 8 | Dịch vụ tài chính | -11.6 | 693 | 764 | 864 | |
| 9 | Thực phẩm và đồ uống | -14.7 | 647 | 642 | 753 | |
| 10 | Bán lẻ | -15.3 | 189 | 118 | 140 | |
| 11 | Hóa chất | -20.7 | 226 | 256 | 322 | |
| 12 | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | -21.4 | 254 | 320 | 407 | |
| 13 | Bất động sản | -22.1 | 1,027 | 1,032 | 1,325 | |
| 14 | Ngân hàng | -22.8 | 1,815 | 1,717 | 2,225 | |
| 15 | Bảo hiểm | -23.8 | 18 | 25 | 32 | |
| 16 | Y tế | -37.5 | 16 | 9 | 15 | |
| 17 | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -40.5 | 168 | 136 | 228 | |

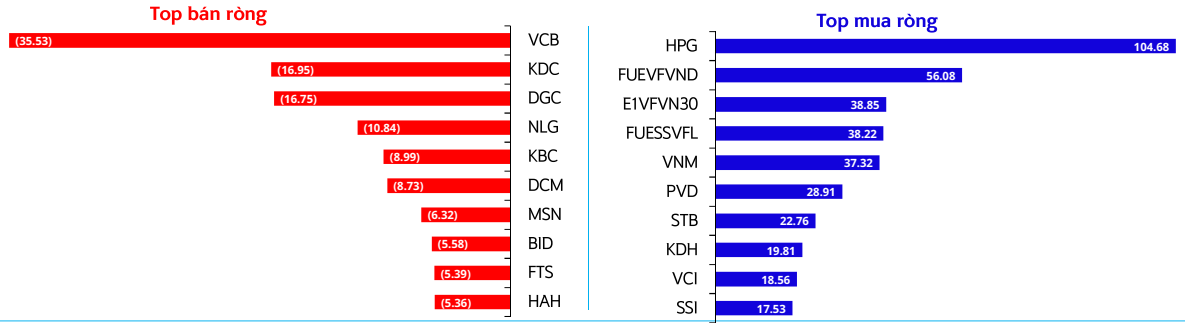
## Top 15 cổ phiếu có giá trị giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % Thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi GTGD | GTGD (VND tỷ) | Xu hướng |
| HPG | Hòa Phát | Tài nguyên Cơ bản | 19,800 | 1.0 | 2.9 | 10.0 | 37 | 530.3 | |
| VCG | VINACONEX | Xây dựng và Vật liệu | 19,350 | 6.9 | 4.9 | 12.2 | 77 | 296.9 | |
| VCB | Vietcombank | Ngân hàng | 87,300 | 0.5 | 5.7 | 9.1 | 87 | 186.1 | |
| HHV | Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | Xây dựng và Vật liệu | 10,900 | 6.9 | 8.5 | 15.7 | 68 | 79.0 | |
| HSG | Tập đoàn Hoa Sen | Tài nguyên Cơ bản | 12,850 | 2.8 | 4.0 | 11.3 | 22 | 168.4 | |
| FCN | FECON CORP | Xây dựng và Vật liệu | 10,800 | 6.9 | 7.5 | 14.9 | 82 | 59.6 | |
| VPI | Đầu tư Văn Phú - Invest | Bất động sản | 53,300 | -0.2 | -1.5 | -0.9 | 85 | 40.3 | |
| ACB | Ngân hàng Á Châu | Ngân hàng | 23,450 | 1.5 | 3.3 | 7.1 | 34 | 71.1 | |
| DRH | DRH Holdings | Bất động sản | 5,230 | 7.0 | 5.2 | 12.5 | 82 | 31.2 | |
| REE | Cơ Điện Lạnh REE | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 72,000 | -1.9 | -0.7 | 0.7 | 76 | 30.5 | |
| SHI | SONHA CORP | Tài nguyên Cơ bản | 16,000 | 0.3 | 0.9 | 7.0 | 139 | 21.5 | |
| NKG | Thép Nam Kim | Tài nguyên Cơ bản | 13,500 | 3.1 | 3.1 | 10.2 | 11 | 118.9 | |
| HT1 | Xi măng Hà Tiên 1 | Xây dựng và Vật liệu | 11,700 | 6.8 | 5.9 | 13.0 | 207 | 16.9 | |
| SJS | SUDICO | Bất động sản | 44,800 | -4.5 | -5.9 | -1.5 | 1,585 | 10.1 | |
| VJC | Vietjet Air | Du lịch và Giải trí | 109,100 | -0.1 | -2.3 | -0.4 | 25 | 44.5 | |

## Top 10 cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến 1 tuần

| Mã | Tên doanh nghiệp | Nhóm ngành | % thay đổi | | | | Thống kê giao dịch | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Giá đóng cửa | %1D | % 1W | %YTD | % Thay đổi KLGD | Khối lượng giao dịch | Xu hướng |
| TLG | Tập đoàn Thiên Long | Hàng cá nhân & Gia dụng | 53,700.0 | 4.7 | 3.9 | 5.3 | 4.6 | 53.70 | |
| HT1 | Xi măng Hà Tiên 1 | Xây dựng và Vật liệu | 11,700.0 | 6.8 | 5.9 | 13.0 | 5.8 | 11.70 | |
| LGL | Long Giang Land | Bất động sản | 4,070.0 | 6.8 | 24.1 | 32.6 | 18.4 | 4.07 | |
| EVF | Tài chính Điện lực | Dịch vụ tài chính | 8,650.0 | 6.9 | 6.0 | 2.0 | 5.8 | 8.65 | |
| VSC | VICONSHIP | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 30,800.0 | 1.3 | 2.0 | 1.5 | 1.3 | 30.80 | |
| NTL | Đô thị Từ Liêm | Bất động sản | 16,300.0 | 1.9 | 0.9 | 5.2 | 1.6 | 16.30 | |
| AAT | Tiên Sơn Thanh Hóa | Hàng cá nhân & Gia dụng | 5,300.0 | 2.9 | 3.9 | 6.9 | 5.1 | 5.30 | |
| #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | #N/A | |
| NO1 | #N/A | #N/A | 8,950.0 | 0.0 | -0.2 | -0.6 | -0.2 | 8.95 | |
| VPI | Đầu tư Văn Phú - Invest | Bất động sản | 53,300.0 | -0.2 | -1.5 | -0.9 | -0.5 | 53.30 | |

## Giao dịch của khối ngoại (tỷ đồng)



## SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

## NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

## HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

## INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

## SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

## HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

## HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000



### Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các

### Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần)